**Phụ lục**

**DANH MỤC TÀI SẢN TỔNG KIỂM KÊ***(Kèm theo Kế hoạch ban hành tại Quyết định số #sovb/QĐ-UBND*

*ngày #nbh/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**A. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị**

1. Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, gồm:

1.1. Đất

1.2. Nhà

1.3. Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực

1.4. Công trình khác gắn liền với đất

2. Vật kiến trúc

3. Xe ô tô

4. Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)

5. Máy móc, thiết bị

6. Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm

7. Tài sản cố định đặc thù

8. Tài sản cố định hữu hình khác

9. Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)

**B. Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý**

**1. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

1.1. Đường và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với đường

1.2. Cầu đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ

1.3. Hầm đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với hầm đường bộ

1.4. Bến phà đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với bến phà đường bộ

1.5. Trạm kiểm tra tải trọng xe

1.6. Trạm thu phí đường bộ

1.7. Bến xe

1.8. Bãi đỗ xe

1.9. Nhà hạt quản lý đường bộ

1.10. Trạm dừng nghỉ

1.11. Kho bảo quản vật tư dự phòng

1.12. Trung tâm quản lý và giám sát giao thông (Trung tâm ITS)

a) Nhà quản lý hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin

b) Vật kiến trúc

c) Máy móc, thiết bị phụ trợ phục vụ hoạt động của Trung tâm ITS

1.13. Trung tâm cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ

a) Nhà, công trình phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ

b) Vật kiến trúc phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ

c) Phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ

1.14. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khác

**2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**

2.1. Luồng chạy tàu thuyền

2.2. Âu tàu

2.3. Công trình đưa phương tiện qua đập, thác trên sông, kênh, rạch

2.4. Cảng thủy nội địa

2.5. Bến thủy nội địa

2.6. Khu neo đậu ngoài cảng

2.7. Kè, đập giao thông

2.8. Báo hiệu đường thủy nội địa

2.9. Các công trình, thiết bị phụ trợ (nhà trạm quản lý đường thủy nội địa; trạm AIS và hệ thống quản lý, giám sát, truyền dữ liệu kèm theo; thủy chí hoặc trạm đọc mức nước tự động;...)

2.10. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khác

**3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải**

3.1. Cầu cảng

3.2. Luồng hàng hải

3.3. Trụ sở, cơ sở dịch vụ, kho, bãi, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng

3.4. Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng

3.5. Đèn biển và nhà trạm gắn với đèn biển

3.6. Phao, tiêu và nhà trạm quản lý vận hành phao, tiêu

3.7. Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS)

3.8. Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ

3.9. Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển

3.10. Nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ, máy móc, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động của hệ thống Thông tin duyên hải Việt Nam

3.11. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác

**4. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

4.1. Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh

4.2. Công trình khai thác nước

4.3. Công trình xử lý nước

4.4. Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch

4.5. Thiết bị đo đếm nước

4.6. Công trình phụ trợ có liên quan

**5. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

5.1. Đập (không bao gồm đập của hồ chứa nước)

5.2. Hồ chứa nước

5.3. Cống (không bao gồm cống của đập, cống của hồ chứa nước, cống dưới kênh, dưới đê)

5.4. Trạm bơm

5.5. Hệ thống dẫn, chuyển nước

5.6. Kè, bờ bao thủy lợi

5.7. Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi (Nhà quản lý, đường quản lý, kho, bãi vật tư, thiết bị quan trắc, cột mốc chỉ giới, biển báo,...)

5.8. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi khác

**6. Tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ**

6.1. Nhà lồng chợ và các công trình có mái che

6.2. Hệ thống kỹ thuật chợ

6.3. Công trình khác trong phạm vi chợ

**7. Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp**

7.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong cụm công nghiệp

7.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp

7.3. Công trình khác trong phạm vi cụm công nghiệp

**8. Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp**

8.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong khu công nghiệp

8.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp

8.3. Công trình khác trong phạm vi khu công nghiệp

**9. Tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế**

9.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong khu kinh tế

9.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu kinh tế

9.3. Công trình khác trong phạm vi khu kinh tế

**10. Tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều**

10.1. Đê

10.2. Kè bảo vệ đê

10.3. Cống qua đê

10.4. Công trình phụ trợ đê

**11. Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá**

11.1. Cầu cảng

11.2. Nhà, công trình phục vụ hoạt động của cảng cá

11.3. Khu neo đậu, khu chuyển tải

11.4. Luồng vào cảng cá

11.5. Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá khác.

**12. Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hoá**

12.1. Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao

a) Trung tâm văn hóa thể thao cấp xã

b) Nhà văn hóa - khu thể thao cấp thôn

c) Thư viện công cộng cấp xã

12.2. Hệ thống hạ tầng trong làng văn hóa

a) Đường giao thông nội bộ

b) Tài sản kết cấu hạ tầng khác